

Số: 65 /2024/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 12 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành quy định một số nội dung quản lý nhà nước về giá  
trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày  
18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 28/2024/TT-BTC ngày 16  
tháng 5 năm 2024 Quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp  
luật về giá, thẩm định giá; số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 quy  
định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm  
cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 6403/TTr-STC ngày 30  
tháng 11 năm 2024; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp số 346/BC-STP ngày 07  
tháng 11 năm 2024 và ý kiến thống nhất của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhà nước về  
giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 01 năm  
2025 và thay thế Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2020  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc quy định quản lý nhà nước về giá  
trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *uuu*

**Nơi nhận:**

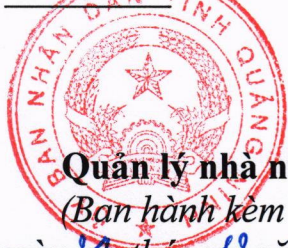
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh, Công TTĐT tỉnh (công báo);
- V0, V1-V3; các CV NCTH;
- Lưu: VT, TM6.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vũ Văn Điện**





**QUY ĐỊNH**  
**Quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 65 /2024/QĐ-UBND  
ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong lĩnh vực: Bình ổn giá; Định giá; Kê khai giá; Kiểm tra yếu tố hình thành giá; Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường, cơ sở dữ liệu về giá; Thẩm định giá của nhà nước; Thanh tra chuyên ngành về giá, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

Các quy định quản lý Nhà nước về giá không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định tại Luật Giá và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; người tiêu dùng; cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

**Chương II**  
**HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, ĐIỀU TIẾT GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC**

**Mục 1**  
**BÌNH ỔN GIÁ**

**Điều 3. Điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá**

Trong quá trình thực hiện, trường hợp cần điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá thì các sở quản lý ngành, lĩnh vực tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện điều chỉnh Danh mục, hàng hóa dịch vụ bình ổn giá theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện bình ổn giá**



1. Trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật giá (mặt bằng giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá biến động bất thường gây tác động lớn đến kinh tế - xã hội, sản xuất, kinh doanh, đời sống người dân) và điểm a khoản 2 Điều 20 Luật giá (việc bình ổn giá trên phạm vi cả nước khi cơ quan có thẩm quyền ban bố tình trạng khẩn cấp, sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh và mặt bằng giá thị trường hàng hóa, dịch vụ có biến động bất thường)

a) Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm:

a.1) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai các phương thức để xác định nguyên nhân biến động giá, làm cơ sở cho việc lựa chọn áp dụng biện pháp, thời hạn và phạm vi bình ổn giá phù hợp theo đề nghị, hướng dẫn của các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

a.2) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quyết định áp dụng.

a.3) Tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì triển khai về tình hình tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn tỉnh.

b) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm: Thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Chính phủ quyết định và hướng dẫn của Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực; các biện pháp bình ổn giá thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo ngành, lĩnh vực quản lý và nhiệm vụ được phân công.

2. Tổ chức thực hiện bình ổn giá tại phạm vi địa phương áp dụng trong trường hợp mặt bằng giá thị trường hàng hóa dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá có biến động bất thường tại địa phương theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật giá (việc bình ổn giá trên phạm vi địa phương khi cơ quan có thẩm quyền ban bố tình trạng khẩn cấp, sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh và mặt bằng giá thị trường hàng hóa, dịch vụ có biến động bất thường)

a) Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm:

a.1) Đánh giá diễn biến thực tế và mặt bằng giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn để xây dựng báo cáo bình ổn giá kèm theo văn bản đề nghị bình ổn giá gửi Sở Tài chính tổng hợp, phân công cụ thể như sau:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì đối với mặt hàng: thóc tẻ, gạo tẻ; phân đạm, phân DAP, phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật.

- Sở Công Thương chủ trì đối với các mặt hàng xăng, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).



- Sở Y tế chủ trì đối với mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi, thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám, chữa bệnh.

- Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì đối với hàng hóa, dịch vụ được bổ sung vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá và hàng hóa, dịch vụ không nằm trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá nhưng cần bình ổn giá ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 của Luật giá.

a.2) Căn cứ tình hình thực hiện, đánh giá diễn biến giá hàng hóa, dịch vụ trong thực tế, đề xuất kết thúc bình ổn giá trước thời hạn hoặc gia hạn thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá gửi Sở Tài chính tổng hợp.

b) Sở Tài chính có trách nhiệm:

b.1) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá phù hợp và phân công tổ chức thực hiện.

b.2) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ về kết quả bình ổn giá, đồng thời gửi Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định.

c) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

c.1) Tổ chức triển khai thực hiện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c.2) Báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Sở Tài chính để tổng hợp.

d. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm chấp hành biện pháp bình ổn giá được công bố và thực hiện kê khai lần đầu, kê khai lại mức giá hàng hóa, dịch vụ đang thực hiện theo quy định kể từ ngày biện pháp bình ổn giá được áp dụng.

## Mục 2

### ĐỊNH GIÁ

#### **Điều 5. Điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá**

Trong quá trình thực hiện, trường hợp cần điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì các sở quản lý ngành, lĩnh vực tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện điều chỉnh Danh mục, hàng hóa dịch vụ do Nhà nước định giá theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 năm 7 năm 2024 của Chính phủ.

#### **Điều 6. Thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan trong việc lập phương án giá, thẩm định, trình và ban hành phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Đối với hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá

a) Thẩm quyền lập phương án giá

- Đối với hàng hóa, dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa



phương: Tổ chức sản xuất, kinh doanh, cung ứng hàng hóa, dịch vụ được đặt hàng lập phương án giá.

- Đối với hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá khác quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ: Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ, Ủy ban nhân dân các địa phương, cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập được đặt hàng theo phân công tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quyết định này (sau đây gọi là Phụ lục số 01) tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

b) Thẩm quyền thẩm định phương án giá

Các đơn vị thẩm định phương án giá được phân công chi tiết tại Phụ lục số 01.

c) Thẩm quyền trình và ban hành văn bản định giá

Các đơn vị được giao thẩm định phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành văn bản định giá.

2. Đối với hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá

a) Thẩm quyền lập phương án giá

Đối với hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá khác quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ: Sở quản lý ngành, lĩnh vực theo phân công tại Phụ lục số 01 tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

b) Thẩm quyền thẩm định phương án giá

Các đơn vị thẩm định phương án giá được phân công chi tiết tại Phụ lục số 01.

c) Thẩm quyền trình và ban hành văn bản định giá

Các đơn vị theo phân công thẩm định phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định phương án giá. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án giá, gửi 01 bản chính hồ sơ theo quy định cho cơ quan có thẩm quyền định khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu.

Sau khi có văn bản định giá tối đa hoặc khung giá hoặc giá tối thiểu, các đơn vị theo phân công tại Phụ lục số 01 có trách nhiệm rà soát các thông tin, số liệu tại phương án giá để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản định giá cụ thể. Văn bản định giá sau khi được ban hành phải được gửi để thông báo đến cơ quan định khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu.



3. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì các sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

**Điều 7. Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh**

Các cơ quan, đơn vị, địa phương theo phân công thẩm quyền lựa chọn cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá; thẩm định phương án giá; trình ban hành văn bản định giá tại Phụ lục số 01 tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

**Mục 3**

**HIỆP THƯƠNG GIÁ**

Thực hiện theo quy định tại Mục 3 Chương IV Luật giá và Mục 3 Chương II Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

**Mục 4**

**KÊ KHAI GIÁ**

**Điều 8. Điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá**

Trong quá trình thực hiện, trường hợp cần điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá thì các sở quản lý ngành, lĩnh vực tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện điều chỉnh Danh mục, hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai giá theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

**Điều 9. Cơ quan tiếp nhận kê khai giá và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương**

Phân công cụ thể tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 10. Ban hành Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá**

1. Định kỳ chậm nhất ngày 15 tháng 01 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ yêu cầu của công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn thực hiện rà soát, lựa chọn, tổ



chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ để đưa vào Danh sách kê khai giá đối với những tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong Danh sách kê khai giá của các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã ban hành, gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh. Thông tin tại Danh sách kê khai giá bao gồm tên công ty, mã số doanh nghiệp, mã số chi nhánh (nếu có). Trường hợp trong năm phát sinh yêu cầu cần điều chỉnh Danh sách kê khai giá thì đề xuất danh sách gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bổ sung.

2. Định kỳ chậm nhất ngày 01 tháng 02 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, giao Sở Tài chính căn cứ kết quả rà soát, đề xuất của các sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thông báo danh mục các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng phải kê khai giá tại địa phương trước ngày 15 tháng 02 hàng năm. Trường hợp đến hạn rà soát định kỳ hàng năm mà không phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh Danh sách kê khai giá thì không cần ban hành Danh sách kê khai giá mới.

3. Danh sách kê khai giá tổng hợp định kỳ hàng năm và Danh sách kê khai giá bổ sung do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt được gửi cho:

a) Trung tâm Truyền thông tỉnh có trách nhiệm đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn tối đa 05 ngày kể từ thời điểm ban hành Danh sách kê khai giá.

b) Thông báo cho các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Gửi Bộ Tài chính để cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

### **Điều 11. Cách thức thực hiện và tiếp nhận kê khai giá**

1. Cơ quan, đơn vị được phân công tiếp nhận kê khai giá lựa chọn hình thức tiếp nhận kê khai giá trong số các hình thức quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, trong đó ưu tiên áp dụng hình thức tiếp nhận qua môi trường mạng trên phần mềm.

2. Cơ quan, đơn vị được phân công tiếp nhận kê khai giá có trách nhiệm kết nối, cập nhật thông tin dữ liệu về giá hàng hóa, dịch vụ kê khai đã tiếp nhận lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

## **Mục 5**

### **KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ**

Thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương IV Luật giá. Các sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi chuyên ngành quản lý.



### Chương III

## TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG, CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ

### Điều 12. Hoạt động tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

#### 1. Trách nhiệm tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

a) Sở Tài chính có trách nhiệm: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và thực hiện báo cáo giá thị trường theo tần suất, thời gian quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính.

b) Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm: Thực hiện thu thập, tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh đối với các mặt hàng theo quy định tại Phụ lục số 03 gửi kèm theo.

#### 2. Tần suất và thời hạn gửi báo cáo

##### a) Tần suất báo cáo

Hàng tháng, 03 tháng, 06 tháng, 09 tháng và cả năm hoặc báo cáo đột xuất.

##### b) Thời hạn gửi báo cáo

- Các sở, ban, ngành và các địa phương gửi báo cáo về Sở Tài chính trước ngày 25 hàng tháng, hàng quý.

- Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp báo cáo của các sở, ngành, địa phương và Cục Thống kê tỉnh để phân tích, xây dựng và báo cáo Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá), Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng và trước ngày 05 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo đối với báo cáo quý, 06 tháng, 09 tháng và cả năm (bằng văn bản và thư điện tử theo địa chỉ: [csgia@mof.gov.vn](mailto:csgia@mof.gov.vn); đồng thời, cập nhật vào hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá, phân hệ “Báo cáo thị trường”).

### Điều 13. Cập nhật thông tin, dữ liệu vào cơ sở dữ liệu về giá

#### 1. Phân công trách nhiệm cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về giá

a) Sở Tài chính chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo thẩm quyền phân công quản lý hàng hóa, dịch vụ đối với những thông tin, dữ liệu sau:

a.1) Báo cáo giá cả thị trường của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của Bộ Tài chính.



a.2) Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật.

b) Các sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo thẩm quyền phân công quản lý hàng hóa, dịch vụ đối với những thông tin, dữ liệu sau:

b.1) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b.2) Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá, giá hàng hóa dịch vụ được thực hiện kê khai trên địa bàn tỉnh.

b.3) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập tại cơ quan, đơn vị.

b.4) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu lên cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

#### **Chương IV THẨM ĐỊNH GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC**

Thực hiện theo quy định tại mục 3 Chương VI Luật giá.

#### **Chương V THANH TRA CHUYÊN NGÀNH VỀ GIÁ, KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ**

##### **Điều 14. Trách nhiệm thanh tra, kiểm tra**

1. Thanh tra chuyên ngành về giá thực hiện theo quy định tại Chương VII Luật giá.

2. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

a) Sở Tài chính có trách nhiệm: Kiểm tra các sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được quy định tại Quy định này và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Các sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm: Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc và các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá theo quy định tại mục 1, mục 2 và mục 4 Chương II Quy định này và theo quy định của pháp luật có liên quan.



c) Cơ quan được giao nhiệm vụ tại điểm a, b khoản này có trách nhiệm xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch kiểm tra trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

## **Chương VI**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 15. Trách nhiệm thi hành**

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân căn cứ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quy định tại quy định này và pháp luật có liên quan để tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, thay đổi, bổ sung chính sách liên quan đến quy định này; các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**PHỤ LỤC 01: PHÂN CÔNG THỰC HIỆN ĐỊNH GIÁ ĐỐI VỚI DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THUỘC THẨM QUYỀN ĐỊNH GIÁ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*(Kèm theo Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)*

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Hình thức định giá	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu lựa chọn tổ chức lập phương án giá, thẩm định phương án giá và trình ban hành văn bản định giá
<b>I</b>	<b>Danh mục hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá</b>		
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Giá tối đa	Sở Giao thông vận tải
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Khung giá	
3	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Giá tối đa	
4	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Giá tối đa	
5	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Giá tối đa	
6	Dịch vụ vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt đô thị	Giá cụ thể	
7	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Giá cụ thể	
8	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Giá cụ thể	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Giá cụ thể	
10	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Khung giá	



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Hình thức định giá	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu lựa chọn tổ chức lập phương án giá, thẩm định phương án giá và trình ban hành văn bản định giá
11	Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Giá cụ thể	Sở Xây dựng
12	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Giá cụ thể	Sở Xây dựng
13	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Giá cụ thể	Sở Xây dựng
14	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Giá tối đa	Sở Tư pháp
15	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Giá cụ thể	
16	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Định giá tối đa đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; định giá cụ thể đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân	Sở Tài nguyên và Môi trường
17	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Giá cụ thể	Sở Công Thương



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Hình thức định giá	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu lựa chọn tổ chức lập phương án giá, thẩm định phương án giá và trình ban hành văn bản định giá
18	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	UBND tỉnh theo lĩnh vực định giá khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ	Sở quản lý ngành, lĩnh vực
19	Sản phẩm, dịch vụ công ích (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Giá cụ thể	
19.1	<i>Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh và không thuộc trường hợp tại mục 19.3</i>		Sở quản lý ngành, lĩnh vực
19.2	<i>Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp huyện</i>		Ủy ban nhân dân cấp huyện
19.3	<i>Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh, đặt hàng cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện cung cấp</i>		Cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập được đặt hàng
<b>II</b>	<b>Danh mục hàng hóa, dịch vụ do 2 cấp định giá</b>		
20	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	- Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể (trên cơ sở văn bản định giá tối đa của Bộ Y tế)	Sở Y tế
21	Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập	- Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể (trên cơ sở văn bản định giá tối đa của Bộ Y tế)	Sở Y tế



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Hình thức định giá	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu lựa chọn tổ chức lập phương án giá, thẩm định phương án giá và trình ban hành văn bản định giá
22	Nước sạch	- Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể (trên cơ sở văn bản định khung giá của Bộ Tài chính)	
22.1	<i>Nước sạch đô thị</i>		Sở Xây dựng
22.2	<i>Nước sạch nông thôn</i>		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn



**PHỤ LỤC 02: PHÂN CÔNG THỰC HIỆN VỀ KÊ KHAI GIÁ**  
(Quyết định số 65 /2024/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu UBND tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá thuộc thẩm quyền tiếp nhận của UBND tỉnh
<b>A</b>	<b>Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước</b>		
<b>I</b>	<b>Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá</b>	-	
1	Xăng, dầu thành phẩm	-	Sở Công Thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	-	
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	-	Sở Y tế
4	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	-	
5	Thóc tẻ, gạo tẻ	-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	-	
7	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	-	
8	Vắc-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	-	
9	Thuốc bảo vệ thực vật	-	
<b>II</b>	<b>Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng</b>	-	Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của UBND tỉnh.
<b>III</b>	<b>Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành</b>		
1	Xi măng	-	Sở Xây dựng
2	Nhà ở, nhà chung cư	-	
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)	-	
4	Thép xây dựng	-	
5	Than	-	Sở Công Thương
6	Etanol nhiên liệu không biến tính	-	



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu UBND tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá thuộc thẩm quyền tiếp nhận của UBND tỉnh
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)		
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản	-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện		
10	Muối ăn		
11	Dịch vụ tại cảng biển khác ngoài hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá	-	Sở Giao thông vận tải
12	Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm		
13	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ		
14	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi	-	Sở Y tế
15	Thiết bị y tế		
16	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước		
17	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân		
<b>B</b>	<b>Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương (áp dụng linh hoạt nếu cần thiết): Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ yêu cầu, mục tiêu quản lý, tình hình thực tế tại địa phương để lựa chọn tiếp nhận kê khai giá trong số danh mục những hàng hóa dịch vụ sau:</b>		
1	Dịch vụ lưu trú du lịch (trên bờ và trên vịnh)	Sở Du lịch	
2	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn tỉnh bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá dịch vụ cáp treo</li> <li>- Vé tham quan vào các khu điểm du lịch cho các doanh nghiệp quản lý và khai thác (ngoài phí do nhà nước thu)</li> <li>- Giá vé tham quan vào các công viên chủ đề</li> <li>- Giá vé tàu cao tốc, xe điện tham quan</li> <li>- Dịch vụ xuồng cao tốc, xuồng kéo dù, chèo thuyền nan trên vịnh, thuyền kayak, mô tô nước, lặn biển</li> </ul>		



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu UBND tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá thuộc thẩm quyền tiếp nhận của UBND tỉnh
3	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước		
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Giao thông vận tải	
5	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa - đường biển		
6	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước) bao gồm: - Bê tông thương phẩm - Đất đá làm vật liệu san lấp - Cát xây dựng các loại		Sở Xây dựng
7	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp: Giống lợn và giống gà	Sở Nông nghiệp Phát triển nông thôn	
8	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Công Thương	
9	Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng	Sở Tài nguyên và Môi trường	
10	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan vịnh Hạ Long	Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long.	

**PHỤ LỤC 03: PHÂN CÔNG THỰC HIỆN VỀ  
TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG**  
(Kèm theo Quyết định số 65 /2024/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

**1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.**

- Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh đối với các mặt hàng thuộc danh mục lương thực, thực phẩm và danh mục Vật tư nông nghiệp;

- Hướng dẫn các địa phương lấy thông tin thu thập đồng nhất theo quy định về đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách của thóc tẻ; gạo tẻ; đường ăn; phân đạm, phân DAP, phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản.

**2. Sở Xây dựng.**

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh đối với các mặt hàng thuộc danh mục vật liệu xây dựng (trừ mặt hàng khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)).

**3. Sở Công Thương.**

- Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh đối với các mặt hàng khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) thuộc danh mục chất đốt;

- Hướng dẫn các địa phương lấy thông tin thu thập đồng nhất theo quy định về đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách của khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

**4. Sở Y tế.**

- Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh đối với nhóm dịch vụ y tế;

- Hướng dẫn các địa phương lấy thông tin thu thập đồng nhất theo quy định về đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách của dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước; dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.

**5. Sở Giao thông vận tải.**

- Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh đối với nhóm dịch vụ giao thông;

- Hướng dẫn các địa phương lấy thông tin thu thập đồng nhất theo quy định về đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách của dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi.

**6. Sở Giáo dục và Đào tạo.**

- Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh đối với nhóm dịch vụ giáo dục (trừ lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp);



- Hướng dẫn các địa phương lấy thông tin thu thập đồng nhất theo quy định về đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách của dịch vụ trong lĩnh vực dịch vụ giáo dục (trừ lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp).

### **7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.**

- Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh đối với nhóm dịch vụ giáo dục là: Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp;

- Hướng dẫn các địa phương lấy thông tin thu thập đồng nhất theo quy định về đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách của dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

### **8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.**

Trên cơ sở hướng dẫn của các Sở, ban ngành nêu trên, thực hiện nội dung báo cáo giá thị trường theo quy định tại phụ lục IV và danh mục các hàng hóa, dịch vụ quy định tại phụ lục II Thông tư số 29/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính.

### **9. Cục Thống kê tỉnh.**

Báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và dự báo biến động chỉ số CPI trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.